# **Xóa bản tin**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Xóa bản tin:** Cho phép người dùng có thể xóa bản tin ra khỏi danh sách tin đang nắm giữ, tin đã xóa có thể được đưa vào trong danh sách chờ, danh sách chờ này có thể được yêu cầu xóa khỏi hệ thống | | |
| **Stakeholder liên quan:**  Phóng viên, biên tập, tổng biên tập | | ID: F01 |
| Operational Consideration | Stakeholder response | |
| Mô tả tổng quan | Hệ thống cho phép người dùng xóa những tin không mong muốn ra khỏi danh sách tin đang nắm giữ, tin này sẽ được chuyển vào trong danh sách tin rác và chờ để được xóa khỏi hệ thống.  Người dùng có thể chọn và xóa khỏi hệ thống. | |
| Mô tả những hoạt động của các bên lien quan | Người dùng có thể chọn tin cần xóa và nhấp vào nút xóa để xóa tin không mong muốn | |
| Dữ liệu đầu vào | Bản tin đã được soạn thảo sẵn trên hệ thống. | |
| Hồi đáp/phản ứng của hệ thống | Sau khi người dùng chọn xóa tin thì hệ thống sẽ yêu cầu xác nhận lại xem có thật sự muốn xóa tin đâng chọn không | |
| Dữ liệu đầu ra | Bản tin được yêu cầu xóa sẽ được đưa tới danh sách chờ xóa để người dùng có thể chọn xóa hẳn bản tin ra khỏi hệ thống | |
| Các bên liên quan sử dụng dữ liệu đầu ra | N/A | |

# **Hạ bản tin**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hạ bản tin:** Cho phép người dùng có thể hạ bản tin sau khi đăng trên internet hay intranet. | | |
| **Stakeholder liên quan:**  Tổng biên tập | | ID: F02 |
| Operational Consideration | Stakeholder response | |
| Mô tả tổng quan | Hệ thống cho phép người dùng có thể hạ bản tin đang được đăng trên internet và intranet xuống. | |
| Mô tả những hoạt động của các bên lien quan | Tổng biên tập có thể hạ bản tin từ trên internet hoặc intranet. | |
| Dữ liệu đầu vào | Bản tin đã được đăng trên internet và intranet | |
| Hồi đáp/phản ứng của hệ thống | Hệ thống hiển thị thông báo yêu cầu người dùng xác nhận có muốn hạ tin xuống không | |
| Dữ liệu đầu ra | Bản tin được hạ xuống khỏi internet, intranet và hiển thị trong danh sách các tin được hạ | |
| Các bên liên quan sử dụng dữ liệu đầu ra | N/A | |

# **Sắp xếp bản tin**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Xem trước:** Cho phép người dùng có thể sắp xếp bản tin khi đăng lên internet hoặc intranet | | |
| **Stakeholder liên quan:**  Tổng biên tập | | ID: F03 |
| Operational Consideration | Stakeholder response | |
| Mô tả tổng quan | Hệ thống hiển thị danh sách bản tin đã đăng lên để người dùng sắp xếp thứ tự bản tin | |
| Mô tả những hoạt động của các bên lien quan | Tổng biên tập có thể xem trước nội dung bản tin được hiển thị lên internet hoặc intranet và điều chỉnh thứ tự sắp xếp của bản tin. | |
| Dữ liệu đầu vào | Các bản tin được đưa lên internet hoặc intranet. | |
| Hồi đáp/phản ứng của hệ thống | N/A | |
| Dữ liệu đầu ra | Danh sách bản tin trên internet và intranet hiển thị như mong muốn của khách hàng | |
| Các bên liên quan sử dụng dữ liệu đầu ra | N/A | |

# **Tìm kiếm bản tin**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Xem tin:** Cho phép người dùng có thể tìm kiếm bản tin | | |
| **Stakeholder liên quan:**  Phóng viên, biên tập, tổng biên tập | | ID: F04 |
| Operational Consideration | Stakeholder response | |
| Mô tả tổng quan | Hệ thống cho phép người dùng tìm kiếm bản tin mà mình đang nắm giữ | |
| Mô tả những hoạt động của các bên lien quan | Phóng viên, biên tập, tổng biên tập nhập tên bản tin cần tìm, và chọn tìm kiếm | |
| Dữ liệu đầu vào | Phóng viên, biên tập, tổng biên tập nhập tên bản tin cần tìm. | |
| Hồi đáp/phản ứng của hệ thống | Hệ thống sẽ hiển thị toàn bộ danh sách bản tin gần đúng với tên mà người dùng cần tìm | |
| Dữ liệu đầu ra | Mẫu bản tin được hiển thị | |
| Các bên liên quan sử dụng dữ liệu đầu ra | N/A | |

# **Chuyển tin**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Duyệt tin:** Cho phép người dùng có thẩm quyền chuyển tin cho cấp trên hoặc chuyển tin về cho cấp dứoi | | |
| **Stakeholder liên quan:**  Phóng viên, Biên tập, tổng biên tập | | ID: F05 |
| Operational Consideration | Stakeholder response | |
| Mô tả tổng quan | Hệ thống cho phép người dùng chuyển bản tin cần duyệt cho người cần gửi | |
| Mô tả những hoạt động của các bên liên quan | Phóng viên, Biên tập, tổng biên tập chọn một bản tin chờ duyệt và chọn người duyệt tin, chọn duyệt tin | |
| Dữ liệu đầu vào | Phóng viên gửi bản tin lên biên tập  Phóng viên gửi bản tin lên cho tổng biên tập  Biên tập gửi bản tin lên tổng biên tập. | |
| Hồi đáp/phản ứng của hệ thống | Hiển thị thông báo bản tin đã được gửi đi. | |
| Dữ liệu đầu ra | Bản tin được hiển thị trong danh sách chờ duyệt của biên tập hoặc tổng biên tập. | |
| Các bên liên quan sử dụng dữ liệu đầu ra | Phóng viên hoặc biên tập sẽ nhận bản tin và quyết định duyệt hay không | |

# Quality Attribute

|  |  |
| --- | --- |
| **Stakeholder**: Phóng viên, biên tập viên, tổng biên tập | **ID**: 01 |
| Quality Attribute: Performance | |
| **Reason for Quality Attribute:** | |
| Tốc độ hồi đáp của hệ thống không được quá chậm | |
| **Stakeholder’s Quality Attribute story:** | |
| Bản tin hiển thị không quá 2 giây  Bản tin khởi tạo được lưu không quá 3 giây  Bản tin được gửi trả về không quá 2 giây | |

|  |  |
| --- | --- |
| **Stakeholder**: Phóng viên, biên tập viên, tổng biên tập | **ID**: 02 |
| Quality Attribute: Security | |
| **Reason for Quality Attribute:** | |
| Lỗi của hệ thống phải được thông báo rõ ràng, cụ thể. | |
| **Stakeholder’s Quality Attribute story:** | |
| Tài khoản và mật khẩu người dùng phải đươc mã hóa trong database  Lỗi hệ thống phải được xử lý | |

|  |  |
| --- | --- |
| **Stakeholder**: Phóng viên, biên tập viên, tổng biên tập | **ID**: 03 |
| Quality Attribute: Usability | |
| **Reason for Quality Attribute:** | |
| Giao diện dễ sử dụng, người dùng có thể thao tác nhanh | |
| **Stakeholder’s Quality Attribute story:** | |
| Vào được giao diện cần thiết không quá quá 3 thao tác trên giao diện | |